

**DANH SÁCH HS - SV CÒN NỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 15/12/2017
(KHOA CN ĐỘNG LỰC)**

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
1	15002746	Huỳnh Bảo Anh	18/04/1997	15CĐ-Ô1	
2	15000860	Mai Xuân Trường	22/9/1997	15CĐ-Ô1	
3	15000816	Nguyễn Hồng Tơ	10/12/1997	15CĐ-Ô1	
4	15000814	Nguyễn Thành Bảo	24/01/1997	15CĐ-Ô1	
5	15003181	Nguyễn Thanh Hồng	26/10/1981	15CĐ-Ô1	
6	15000855	Phạm Tài Tuấn	29/11/1997	15CĐ-Ô1	
7	15003168	Phạm Văn Hậu	03/05/1997	15CĐ-Ô1	
8	15002493	Bùi Thượng Lưu	10/10/1997	15CĐ-Ô2	
9	15002745	Đặng Hoàng Sang	01/08/1997	15CĐ-Ô2	
10	15000614	Lê Thanh Hưng	24/04/1997	15CĐ-Ô2	
11	15000583	Ngô Năng Võ	17/04/1997	15CĐ-Ô2	
12	15000655	Nguyễn Chánh Triệu	22/04/1997	15CĐ-Ô2	
13	15003359	Nguyễn Đức Hiền	08/05/1997	15CĐ-Ô2	
14	15000730	Trần Minh Trung	12/09/1997	15CĐ-Ô2	
15	15000712	Võ Hoài Nam	24/10/1997	15CĐ-Ô2	
16	15002593	Võ Minh Khương	23/11/1997	15CĐ-Ô2	
17	15000546	Bùi Phúc Thịnh	24/07/1997	15CĐ-Ô3	
18	15000554	Cao Phi Long	27/03/1997	15CĐ-Ô3	
19	15002923	Lưu Hữu Sang	08/08/1997	15CĐ-Ô3	
20	15002685	Nguyễn Huỳnh Mạnh	31/12/1997	15CĐ-Ô3	
21	15001093	Huỳnh Trương Phương	08/10/1997	15CĐ-Ô4	
22	15003510	Nguyễn Bùi Như Ý	14/01/1997	15CĐ-Ô4	
23	15001108	Nguyễn Ngọc Tuấn	24-3-1997	15CĐ-Ô4	
24	15001121	Phạm Minh Lưu	13/06/1996	15CĐ-Ô4	
25	15002303	Lê Duy Anh	18/02/1996	15CĐ-Ô5	
26	15001453	Nguyễn Tấn Khải	05/05/1997	15CĐ-Ô6	
27	15002041	Phan Nguyễn Duy Khiêm	27/4/1997	15CĐ-Ô6	
28	15000775	Phạm Quốc Khánh	05/01/1999	15TCN-Ô1	
29	15000392	Võ Tuấn Anh	25/03/2000	15TCN-Ô1	
30	15000493	Vương Anh Bảo	28/07/1999	15TCN-Ô1	
31	15003118	Nguyễn Quang Trường	17/07/1998	15TC-Ô	
32	15003022	Thắm Trung Anh	11/11/1998	15TC-Ô	
33	16003951	Ngô Tấn Tú	27/11/1992	16CĐ-LTÔTÔ	
34	16003918	Nguyễn Thành Hiếu	02/4/1997	16CĐ-LTÔTÔ	
35	16001591	Gíp Lương Phong	18/07/1998	16CĐN-Ô1	
36	16000715	Trương Đăng Quy	28/03/1998	16CĐN-Ô1	
37	16003150	Bùi Tấn Vương	27/01/1997	16CĐN-Ô2	
38	16003771	Điêu Anh Hùng	04/02/1998	16CĐN-Ô2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
39	16003187	Đoàn Quốc Vương	01/06/1998	16CĐN-Ô2	
40	16003493	Đồng Văn Nhứt	22/10/1998	16CĐN-Ô2	
41	16003734	Lê Hải Quốc Khoa	26/12/1996	16CĐN-Ô2	
42	16003344	Lê Quang Đạt	22/01/1997	16CĐN-Ô2	
43	16003461	Lý Xuân Duy	16/06/1997	16CĐN-Ô2	
44	16000178	Nguyễn Đức Duy	08/03/1997	16CĐN-Ô2	
45	16003343	Nguyễn Hữu Nhu	06/04/1998	16CĐN-Ô2	
46	16002795	Phạm Học Gia Luân	11/11/1998	16CĐN-Ô2	
47	16003776	Phạm Ngọc Thiện	02/06/1998	16CĐN-Ô2	
48	16002776	Phạm Tấn Tài	07/09/1998	16CĐN-Ô2	
49	16003167	Trần Quốc Đạt	21/11/1996	16CĐN-Ô2	
50	16003529	Đinh Quý Gia Huy	02/02/1998	16CĐ-Ô1	
51	16000739	Ngô Thanh Nguyên	22/12/1998	16CĐ-Ô1	
52	16000763	Nguyễn Đức Huy	03/05/1997	16CĐ-Ô1	
53	16001302	Trần Minh Dũng	20/01/1998	16CĐ-Ô1	
54	16000910	Nguyễn Thành Luân	23/12/1998	16CĐ-Ô10	
55	16000902	Trương Hữu Phàm	17/02/1998	16CĐ-Ô10	
56	16001017	Đỗ Minh Hải	10/05/1995	16CĐ-Ô11	
57	16000944	Lý Hoàng Tuấn Kiệt	19/09/1998	16CĐ-Ô11	
58	16000982	Nguyễn Cao Tấn	21/06/1998	16CĐ-Ô11	
59	16001218	Nguyễn Tấn Tới	29/12/1998	16CĐ-Ô11	
60	16001142	Chung Vĩnh Luân	24/04/1998	16CĐ-Ô12	
61	16001111	Hoàng Quốc Trung	01/11/1998	16CĐ-Ô12	
62	16001078	Lê Văn Đại	27/01/1998	16CĐ-Ô12	
63	16001148	Nguyễn Trần Minh Đức	15/05/1998	16CĐ-Ô12	
64	16001077	Nguyễn Văn Nhã	08/01/1998	16CĐ-Ô12	
65	16001129	Phạm Văn Tiến	10/10/1998	16CĐ-Ô12	
66	16001152	Trần Quốc Thanh	23/11/1998	16CĐ-Ô12	
67	16001090	Trần Việt Cường	25/05/1998	16CĐ-Ô12	
68	16001273	Võ Chí Trung	29/01/1998	16CĐ-Ô12	
69	16001482	Đặng Gia Thịnh	03/06/1997	16CĐ-Ô2	
70	16001352	Lê Thành Phát	14/08/1998	16CĐ-Ô2	
71	16001350	Phan Ngọc Minh Thịnh	05/10/1998	16CĐ-Ô2	
72	16001331	Trần Ngọc Cảnh	29/07/1997	16CĐ-Ô2	
73	16001620	Đinh Hoàng Anh Tuấn	19/08/1998	16CĐ-Ô3	
74	16001533	Hoàng Long Bảo Chấn	14/07/1998	16CĐ-Ô3	
75	16001555	Nguyễn Ngọc Trung	17/08/1998	16CĐ-Ô3	
76	16001520	Nguyễn Phúc Toàn	13/01/1997	16CĐ-Ô3	
77	16001508	Nguyễn Thanh Hòa	12/07/1996	16CĐ-Ô3	
78	16001618	Nguyễn Thanh Phong	19/02/1998	16CĐ-Ô3	
79	16001554	Phạm Thế Vinh	15/03/1998	16CĐ-Ô3	
80	16001504	Phan Quốc Việt	01/07/1998	16CĐ-Ô3	
81	16001645	Sùng A Sên	30/12/1997	16CĐ-Ô3	
82	16003585	Trần Minh Nam	01/01/1997	16CĐ-Ô3	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
83	16001586	Trần Triều Tân	05/05/1998	16CĐ-Ô3	
84	16001787	Dương Minh Đức	09/08/1997	16CĐ-Ô4	
85	16001819	Nguyễn Văn Danh	02/12/1998	16CĐ-Ô4	
86	16001693	Phạm Duy Tân	17/09/1997	16CĐ-Ô4	
87	16003618	Trần Hoàng Huy	10/11/1998	16CĐ-Ô4	
88	16003690	Võ Ngọc Đức	30/08/1997	16CĐ-Ô4	
89	16001786	Trương Phú Duy Anh	18/09/1998	16CĐ-Ô4	Nợ HP HK2 /2016-2017
90	16002705	Vũ Anh Nguyên	14/10/1998	16CĐ-Ô4	
91	16003717	Hà Tuấn Anh	22/05/1998	16CĐ-Ô5	
92	16001995	Nguyễn Duy	20/04/1998	16CĐ-Ô5	
93	16002013	Phan Thanh Lâm	16/08/1997	16CĐ-Ô5	
94	16001958	Trà Thanh Lam	05/09/1997	16CĐ-Ô5	
95	16001872	Trần Công Tiến	02/06/1998	16CĐ-Ô5	
96	16001279	Cao Văn Phong	15/03/1998	16CĐ-Ô6	
97	16001249	Hoàng Tuấn Phong	02/06/1998	16CĐ-Ô6	
98	16002213	Huỳnh Ngọc Quý	10/09/1997	16CĐ-Ô6	
99	16002356	Nguyễn Quyền Yến Nhi	20/10/1997	16CĐ-Ô6	
100	16002220	Trần Chí Thành	24/02/1998	16CĐ-Ô6	
101	16002130	Vũ Duy Lâm	12/02/1998	16CĐ-Ô6	
102	16002287	Vũ Hữu Huy	18/11/1998	16CĐ-Ô6	
103	16002486	Đinh Trọng Tuấn	10/10/1997	16CĐ-Ô7	
104	16002485	Hồ Ngô Thanh Thiên	24/01/1998	16CĐ-Ô7	
105	16002555	Lê Ngọc Thiện	19/03/1998	16CĐ-Ô7	
106	16002420	Ngô Tấn Trường	19/10/1998	16CĐ-Ô7	
107	16002436	Nguyễn Quốc Duy	27/07/1997	16CĐ-Ô7	
108	16002408	Nguyễn Văn Thiên	26/09/1998	16CĐ-Ô7	
109	16002554	Phạm Nguyễn Cường Thịnh	07/09/1998	16CĐ-Ô7	
110	16002475	Phạm Phước Trường	27/09/1998	16CĐ-Ô7	
111	16002464	Trần Minh Tuấn	26/09/1998	16CĐ-Ô7	
112	16003329	Trang Minh Khiêm	01/05/1998	16CĐ-Ô7	
113	16002715	Đàm Quyền	08/11/1998	16CĐ-Ô8	
114	16002707	Hứa Thanh Trí	12/03/1996	16CĐ-Ô8	
115	16001252	Huỳnh Thanh Tấn	26/03/1998	16CĐ-Ô8	
116	16002701	Lê Anh Dũng	26/08/1998	16CĐ-Ô8	
117	16002669	Lương Thanh Diêm	28/07/1998	16CĐ-Ô8	
118	16002720	Nguyễn Văn Tân	30/01/1998	16CĐ-Ô8	
119	16002655	Phẩm Đức Hải	25/09/1998	16CĐ-Ô8	
120	16002693	Thái Quang Thiện	02/05/1998	16CĐ-Ô8	
121	16002575	Trần Ngọc Duy	02/07/1996	16CĐ-Ô8	
122	16003076	Đinh Tiến Đạt	18/07/1998	16CĐ-Ô9	
123	16003078	Đồng Minh Hoàng	28/06/1998	16CĐ-Ô9	
124	16003055	Nguyễn Danh Tuấn	27/06/1996	16CĐ-Ô9	
125	16003151	Nguyễn Quốc Hoàng	11/04/1998	16CĐ-Ô9	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
126	16002937	Trần Tiến Điền	25/08/1996	16CĐ-Ô9	
127	16000367	Ngô Minh Hiếu	18/08/2001	16TCN-Ô1	
128	16000032	Nguyễn Huỳnh Trọng Hiếu	14/03/2001	16TCN-Ô1	
129	16000188	Trần Minh Sơn	06/08/2001	16TCN-Ô1	
130	16000451	Ngô Phi Anh Tuấn	27/03/2001	16TCN-Ô2	
131	16000206	Nguyễn Thanh Tùng	26/08/2001	16TCN-Ô2	
132	16000276	Bùi Phan Đăng Khoa	17/07/2001	16TC-Ô1	
133	16001770	Đàm Gia Tường	13/01/2001	16TC-Ô1	
134	16002184	Dương Trung Khang	09/01/2001	16TC-Ô1	
135	16001992	Huỳnh Phan Thanh Khiết	04/11/1999	16TC-Ô1	
136	16003524	Huỳnh Thanh Nhân	22/11/1991	16TC-Ô1	
137	16000314	Huỳnh Thanh Trọng	26/12/1999	16TC-Ô1	
138	16002989	Lê Đức Toàn	17/07/2000	16TC-Ô1	
139	16000049	Ngô Trần Khôi Nguyên	28/01/2001	16TC-Ô1	
140	16000673	Nguyễn Hoàng Phúc	18/10/2000	16TC-Ô1	
141	16002110	Nguyễn Lê Quỳnh Khôi	11/05/2001	16TC-Ô1	
142	16003015	Nguyễn Ngọc Đông	14/11/1998	16TC-Ô1	
143	16000413	Nguyễn Nhật Nam	29/11/2001	16TC-Ô1	
144	16000290	Nguyễn Thành Nhân	23/02/2001	16TC-Ô1	
145	16001231	Nguyễn Thanh Thành	15/10/1990	16TC-Ô1	
146	16003482	Nguyễn Văn Toàn	06/08/1999	16TC-Ô1	
147	16000237	Phan Tấn Mẫn	29/07/2000	16TC-Ô1	
148	16000553	Trần Anh Dũng	05/06/2001	16TC-Ô1	
149	16003059	Trương Công Thành	20/03/1998	16TC-Ô1	
150	16000488	Võ Thái Quốc	30/01/2001	16TC-Ô1	
151	16003293	Hà Tiến Đạt	06/10/1997	16TCT-Ô1	
152	16003028	Lê Nhật Tín	07/08/1997	16TCT-Ô1	
153	16001847	Nguyễn Đăng Khánh	03/11/1997	16TCT-Ô1	
154	16000642	Nguyễn Đức Lộc	19/01/1998	16TCT-Ô1	
155	16000677	Nguyễn Hoàng	01/06/1998	16TCT-Ô1	
156	16000682	Nguyễn Tấn Lộc	08/10/1997	16TCT-Ô1	
157	16001243	Nguyễn Thanh Tuấn	10/09/1997	16TCT-Ô1	
158	16003634	Tô Thành Đạt	11/08/1998	16TCT-Ô1	
159	16002917	Tạ Minh Tuấn	11/07/1998	16TCT-Ô2	
160	16001187	Vương Thành Danh	20/06/1997	16TN-Ô	
161	17000440	Bùi Phan Minh Duy	10/12/1996	17C1-CNÔ1	
162	17000759	Huỳnh Lê Tuấn	02/06/1999	17C1-CNÔ1	
163	17000657	Lê Nguyễn Việt Hưng	06/05/1999	17C1-CNÔ1	
164	17000783	Phan Văn Tính	27/03/1998	17C1-CNÔ1	
165	17000705	Trần Bảo Tường	06/08/1995	17C1-CNÔ1	
166	17000365	Trịnh Đình Khương	21/06/1995	17C1-CNÔ1	
167	17002125	Bùi Hải Dương	02/08/1999	17C1-CNÔ10	
168	17002010	Châu Đức Hùng	18/07/1999	17C1-CNÔ10	
169	17001981	Dương Anh Hoàng	08/12/1998	17C1-CNÔ10	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
170	17002140	Hồ Tấn Phát	25/09/1998	17C1-CNÔ10	
171	17002031	Hồ Văn Trường	10/10/1998	17C1-CNÔ10	
172	17001951	Huỳnh Phạm Minh Trung	15/04/1999	17C1-CNÔ10	
173	17001930	Huỳnh Thanh Hòa	28/05/1999	17C1-CNÔ10	
174	17002035	Lê Phạm Phương Điền	02/07/1999	17C1-CNÔ10	
175	17002040	Lê Xuân Hùng	17/08/1999	17C1-CNÔ10	
176	17002033	Ngô Hoàng Huy	13/06/1998	17C1-CNÔ10	
177	17002016	Nguyễn Gia Bảo	05/03/1998	17C1-CNÔ10	
178	17001966	Nguyễn Minh Trí	22/09/1999	17C1-CNÔ10	
179	17002148	Nguyễn Ngọc Khoa	21/11/1999	17C1-CNÔ10	
180	17002008	Nguyễn Nhật Hòa	15/05/1999	17C1-CNÔ10	
181	17002150	Nguyễn Tấn Lộc	17/10/1999	17C1-CNÔ10	
182	17002038	Nguyễn Thành Đạt	11/10/1999	17C1-CNÔ10	
183	17002089	Nguyễn Thanh Phong	03/05/1999	17C1-CNÔ10	
184	17002097	Trần Anh Toàn	05/08/1999	17C1-CNÔ10	
185	17002135	Trần Công Minh	19/08/1999	17C1-CNÔ10	
186	17002056	Trần Hoàng Vũ	28/05/1999	17C1-CNÔ10	
187	17002111	Trần Ngọc Nhật Huy	29/10/1999	17C1-CNÔ10	
188	17002060	Trần Văn Nguyên	28/12/1999	17C1-CNÔ10	
189	17001988	Trịnh Thanh Long	09/12/1996	17C1-CNÔ10	
190	17002147	Trương Trọng Nghĩa	24/09/1999	17C1-CNÔ10	
191	17002015	Võ Quốc Huy	29/06/1999	17C1-CNÔ10	
192	17002396	Đinh Thanh Nhân	02/03/1999	17C1-CNÔ11	
193	17002321	Đỗ Minh Quân	03/01/1999	17C1-CNÔ11	
194	17002373	Lâm Nhật Đức	08/08/1996	17C1-CNÔ11	
195	17002388	Lê Văn Hào	20/10/1998	17C1-CNÔ11	
196	17002417	Lưu Bùi Viết Hùng	01/06/1998	17C1-CNÔ11	
197	17002282	Nguyễn Công Triết	31/01/1999	17C1-CNÔ11	
198	17002410	Nguyễn Hoàng Minh	13/05/1998	17C1-CNÔ11	
199	17002242	Nguyễn Minh Thiện	28/11/1999	17C1-CNÔ11	
200	17002404	Nguyễn Quốc Doanh	19/02/1999	17C1-CNÔ11	
201	17002374	Nguyễn Thành Đạt	17/01/1998	17C1-CNÔ11	
202	17002372	Nguyễn Thanh Dương	28/03/1998	17C1-CNÔ11	
203	17002257	Nguyễn Thành Quang	16/01/1998	17C1-CNÔ11	
204	17002235	Trần Tấn Thanh Huy	31/10/1999	17C1-CNÔ11	
205	17002301	Trần Thế Vỹ	11/09/1999	17C1-CNÔ11	
206	17002196	Võ Đại Thành	01/08/1998	17C1-CNÔ11	
207	17002559	Chu Văn Sáo	05/04/1999	17C1-CNÔ12	
208	17002712	Đào Anh Hào	25/02/1998	17C1-CNÔ12	
209	17002856	Đỗ Duy Thành	11/09/1998	17C1-CNÔ12	
210	17002755	Giang Nhật Nam	13/05/1998	17C1-CNÔ12	
211	17002588	Mai Thanh Khang	21/07/1999	17C1-CNÔ12	
212	17002798	Ngô Văn Ngọc Anh	28/02/1999	17C1-CNÔ12	
213	17002740	Nguyễn Hồng Trung Nguyên	16/04/1999	17C1-CNÔ12	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
214	17002711	Nguyễn Minh Bảo	23/09/1999	17C1-CNÔ12	
215	17002546	Nguyễn Ngọc Duy	27/11/1999	17C1-CNÔ12	
216	17002450	Nguyễn Thanh Hiệp	16/10/1998	17C1-CNÔ12	
217	17002771	Nguyễn Thành Trung	30/03/1998	17C1-CNÔ12	
218	17002614	Nguyễn Trọng Nhân	13/04/1999	17C1-CNÔ12	
219	17002490	Nguyễn Tuấn Phong	04/04/1998	17C1-CNÔ12	
220	17002558	Nguyễn Văn Lắm	18/09/1999	17C1-CNÔ12	
221	17002765	Phạm Hải Minh	31/03/1999	17C1-CNÔ12	
222	17002471	Phạm Minh Phước	22/10/1999	17C1-CNÔ12	
223	17002756	Thạch Thời	07/03/1999	17C1-CNÔ12	
224	17002801	Trần Đức Lợi	25/11/1999	17C1-CNÔ12	
225	17002713	Võ Trung Hiếu	05/11/1999	17C1-CNÔ12	
226	17003199	Dương Cảnh	07/07/1999	17C1-CNÔ13	
227	17003104	Dương Thanh Sơn	10/12/1994	17C1-CNÔ13	
228	17002286	Dương Văn Hiếu	20/11/1999	17C1-CNÔ13	
229	17003141	Hồng Hoàng Hoa	12/05/1999	17C1-CNÔ13	
230	17003191	Huỳnh Tấn Dũng	02/08/1999	17C1-CNÔ13	
231	17001832	Kiên Quốc Việt	27/12/1999	17C1-CNÔ13	
232	17002912	Lê Hữu Hòa	02/02/1998	17C1-CNÔ13	
233	17003280	Lê Thế Hưng	26/12/1999	17C1-CNÔ13	
234	17003192	Nguyễn Đình Trường	27/07/1998	17C1-CNÔ13	
235	17003239	Nguyễn Duy Khanh	21/02/1998	17C1-CNÔ13	
236	17003004	Nguyễn Hoàng Phúc	07/09/1999	17C1-CNÔ13	
237	17002859	Nguyễn Hữu Đây	19/08/1999	17C1-CNÔ13	
238	17003129	Nguyễn Thành Đức	20/11/1998	17C1-CNÔ13	
239	17003249	Nguyễn Văn Tâm	08/01/1999	17C1-CNÔ13	
240	17003223	Phạm Hoàn Giang	24/09/1999	17C1-CNÔ13	
241	17003136	Võ Hiếu Nghĩa	15/09/1999	17C1-CNÔ13	
242	17003247	Võ Ngọc Bảo	02/12/1998	17C1-CNÔ13	
243	17003545	Bùi Huỳnh Hoài Thương	13/05/1999	17C1-CNÔ14	
244	17003767	Cao Nguyên	05/06/1995	17C1-CNÔ14	
245	17003557	Hồ Minh Thành	18/10/1994	17C1-CNÔ14	
246	17003483	Hoàng Trung Toàn	27/07/1999	17C1-CNÔ14	
247	17003468	Huỳnh Hoàng Anh	02/08/1999	17C1-CNÔ14	
248	17003516	Lê Hoàng Minh	11/10/1999	17C1-CNÔ14	
249	17003806	Lê Hồng Phúc	09/05/1999	17C1-CNÔ14	
250	17003603	Mai Thanh Tuấn	11/08/1997	17C1-CNÔ14	
251	17003308	Ngô Mai Hoàng Tuấn	27/08/1998	17C1-CNÔ14	
252	17003558	Nguyễn Minh Trí	20/09/1996	17C1-CNÔ14	
253	17003632	Nguyễn Nhật Trường	20/09/1999	17C1-CNÔ14	
254	17003168	Nguyễn Thanh Diễm Vy	27/09/1999	17C1-CNÔ14	
255	17000989	Nguyễn Văn Phước Tài	08/03/1999	17C1-CNÔ14	
256	17003624	Phạm Huỳnh Nhật Huy	17/02/1998	17C1-CNÔ14	
257	17003665	Thạch Rắc Sa Mây	22/07/1999	17C1-CNÔ14	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
258	17003708	Trần Cao Sơn	09/9/1998	17C1-CNÔ14	
259	17003711	Trần Huỳnh Minh Phước	02/06/1999	17C1-CNÔ14	
260	17003471	Trần Tấn Lợi	20/10/1999	17C1-CNÔ14	
261	17003729	Trần Trung Kiên	22/08/1999	17C1-CNÔ14	
262	17003351	Trần Tuấn Kiệt	06/07/1999	17C1-CNÔ14	
263	17003793	Trần Xuân Bách	16/11/1999	17C1-CNÔ14	
264	17004096	Cao Quốc Việt	06/12/1999	17C1-CNÔ15	
265	17004199	Đặng Bảo Duy	05/01/1998	17C1-CNÔ15	
266	17004008	Danh Trọng Nghĩa	09/10/1997	17C1-CNÔ15	
267	17003943	Đinh Trọng Hữu	26/01/1999	17C1-CNÔ15	
268	17004004	Đỗ Nhật Anh Thuận	17/07/1999	17C1-CNÔ15	
269	17004190	Huỳnh Minh Tân	23/07/1999	17C1-CNÔ15	
270	17004056	Huỳnh Tâm Tài	11/07/1998	17C1-CNÔ15	
271	17004285	Huỳnh Thái Thạch	21/02/1999	17C1-CNÔ15	
272	17004193	Lê Anh Tuấn	18/09/1998	17C1-CNÔ15	
273	17004106	Lê Mạnh Nhiều	05/12/1998	17C1-CNÔ15	
274	17004188	Lê Minh Tuấn	10/02/1999	17C1-CNÔ15	
275	17003947	Lê Thế Ngọc	26/06/1999	17C1-CNÔ15	
276	17003872	Lương Bá Vương	12/10/1999	17C1-CNÔ15	
277	17004014	Mai Anh Đức	22/09/1998	17C1-CNÔ15	
278	17003887	Ngô Tấn Phát	06/07/1999	17C1-CNÔ15	
279	17004194	Nguyễn Hữu Tình	16/11/1999	17C1-CNÔ15	
280	17002768	Nguyễn Minh Tiến	22/01/1999	17C1-CNÔ15	
281	17003871	Nguyễn Ngọc Khoa	13/05/1999	17C1-CNÔ15	
282	17003911	Nguyễn Phương Thành	04/05/1998	17C1-CNÔ15	
283	17003856	Nguyễn Tấn Ý	22/05/1999	17C1-CNÔ15	
284	17004253	Nguyễn Trường Tấn Được	12/05/1999	17C1-CNÔ15	
285	17003918	Nguyễn Trường Vinh	03/03/1999	17C1-CNÔ15	
286	17003939	Phan Trần Đăng Khoa	31/12/1997	17C1-CNÔ15	
287	17004062	Phan Việt Hùng	07/10/1998	17C1-CNÔ15	
288	17004097	Phùng Quốc Vinh	10/04/1998	17C1-CNÔ15	
289	17004245	Trần Đình Sang	09/06/1998	17C1-CNÔ15	
290	17003864	Trần Khánh An	16/08/1999	17C1-CNÔ15	
291	17004196	Trịnh Xuân Trường	29/01/1999	17C1-CNÔ15	
292	17003937	Từ Ngọc Vũ	21/07/1999	17C1-CNÔ15	
293	17004772	Bùi Hồng Lưu	06/01/1998	17C1-CNÔ16	
294	17004770	Bùi Mạnh Cường	08/12/1995	17C1-CNÔ16	
295	17004321	Cáp Hữu Thông	27/11/1999	17C1-CNÔ16	
296	17004777	Đặng Huỳnh Trung	15/02/1998	17C1-CNÔ16	
297	17004387	Đỗ Hoàng Khoa Ngân	16/05/1998	17C1-CNÔ16	
298	17004477	Đỗ Văn Giàu	21/05/1998	17C1-CNÔ16	
299	17003148	Đoàn Ngọc Quý	17/03/1999	17C1-CNÔ16	
300	17004120	Đoàn Trung Hiếu	10/02/1997	17C1-CNÔ16	
301	17004377	Hà Huy Đạt	01/11/1999	17C1-CNÔ16	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
302	17004367	Hồ Ngọc Quang Đại	08/06/1999	17C1-CNÔ16	
303	17004542	Hồ Quốc Đại	25/03/1997	17C1-CNÔ16	
304	17004326	Hoàng Văn Nguyên	24/05/1998	17C1-CNÔ16	
305	17004346	Huỳnh Tấn Lộc	18/02/1997	17C1-CNÔ16	
306	17002940	Lê Hải Nam	19/12/1999	17C1-CNÔ16	
307	17004536	Lê Hoài Nam	05/05/1999	17C1-CNÔ16	
308	17004569	Lê Hoàng Nhật Anh	08/10/1998	17C1-CNÔ16	
309	17004396	Lê Quang Thiện	17/05/1999	17C1-CNÔ16	
310	17004568	Lê Thanh Nhã	13/10/1998	17C1-CNÔ16	
311	17004583	Lương Minh Quốc Oai	06/05/1992	17C1-CNÔ16	
312	17004659	Lý Tuấn Kiệt	05/08/1999	17C1-CNÔ16	
313	17004768	Ngũ Ngọc Tuấn Tú	16/01/1998	17C1-CNÔ16	
314	17004509	Nguyễn Bảo Trung	02/01/1990	17C1-CNÔ16	
315	17004429	Nguyễn Đăng Khoa	17/07/1999	17C1-CNÔ16	
316	17004828	Nguyễn Duyên Trí	08/01/1998	17C1-CNÔ16	
317	17004455	Nguyễn Hiền Phúc	30/04/1998	17C1-CNÔ16	
318	17003734	Nguyễn Hoài Khương Duy	20/07/1997	17C1-CNÔ16	
319	17004591	Nguyễn Hoàng Khang	05/08/1997	17C1-CNÔ16	
320	17004349	Nguyễn Lâm Duy Anh	23/06/1998	17C1-CNÔ16	
321	17004643	Nguyễn Mai Tuấn Duy	24/01/1998	17C1-CNÔ16	
322	17004369	Nguyễn My Đô	08/01/1998	17C1-CNÔ16	
323	17004443	Nguyễn Quang Huy	23/07/1999	17C1-CNÔ16	
324	17004813	Nguyễn Thạch Viết Chánh	27/05/1999	17C1-CNÔ16	
325	17004579	Nguyễn Thành Hiếu	13/01/1998	17C1-CNÔ16	
326	17000432	Nguyễn Thanh Lâm	01/10/1996	17C1-CNÔ16	
327	17004667	Nguyễn Thành Phát	18/04/1999	17C1-CNÔ16	
328	17004508	Nguyễn Thành Quang	20/04/1999	17C1-CNÔ16	
329	17004440	Nguyễn Thy Nhân	05/06/1998	17C1-CNÔ16	
330	17004415	Nguyễn Trần Tấn Phát	27/03/1999	17C1-CNÔ16	
331	17004506	Nguyễn Văn Bảo	03/05/1999	17C1-CNÔ16	
332	17004441	Nguyễn Văn Định	09/01/1997	17C1-CNÔ16	
333	17004339	Nguyễn Văn Hòa	15/05/1999	17C1-CNÔ16	
334	17004237	Nguyễn Văn Trung	02/12/1998	17C1-CNÔ16	
335	17004402	Nguyễn Viết Tuyền	28/10/1999	17C1-CNÔ16	
336	17004507	Phạm Hoài Phú	28/06/1998	17C1-CNÔ16	
337	17000923	Phạm Hoàng Sơn	19/04/1999	17C1-CNÔ16	
338	17002400	Phạm Linh Phương	20/03/1999	17C1-CNÔ16	
339	17004560	Phạm Nghĩa Trọng	18/04/1995	17C1-CNÔ16	
340	17004383	Phạm Ngọc Vinh	24/03/1998	17C1-CNÔ16	
341	17004403	Quách Ngọc Ân	24/09/1997	17C1-CNÔ16	
342	17004447	Tổng Khánh Dương	22/06/1998	17C1-CNÔ16	
343	17004589	Trần Hoài Phong	16/03/1999	17C1-CNÔ16	
344	17004132	Trần Hoàng Khang	31/10/1999	17C1-CNÔ16	
345	17004351	Trần Tiến Dũng	02/11/1999	17C1-CNÔ16	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
346	17004428	Trần Viết Bắc	25/04/1999	17C1-CNÔ16	
347	17004662	Trương Anh Tú	17/11/1997	17C1-CNÔ16	
348	17004779	Vũ Quốc Đạt	15/05/1991	17C1-CNÔ16	
349	17004761	Vũ Văn Chiến	02/08/1999	17C1-CNÔ16	
350	17000922	Đặng Nguyễn Minh Vũ	23/11/1999	17C1-CNÔ2	
351	17000934	Đinh Nguyễn Minh Mẫn	30/08/1997	17C1-CNÔ2	
352	17000928	Hoàng Hưng Phát	09/10/1999	17C1-CNÔ2	
353	17000941	Lê Trọng Khang	25/09/1999	17C1-CNÔ2	
354	17000957	Nguyễn Hữu Mạnh	26/08/1999	17C1-CNÔ2	
355	17000843	Nguyễn Minh Trường	24/03/1999	17C1-CNÔ2	
356	17000878	Nguyễn Ngọc Hiền	11/02/1998	17C1-CNÔ2	
357	17000971	Phạm Anh Khoa	21/05/1999	17C1-CNÔ2	
358	17000899	Trần Phúc Toàn	08/11/1999	17C1-CNÔ2	
359	17000877	Trần Tấn Ngọc	10/05/1998	17C1-CNÔ2	
360	17000898	Trần Tiến Phát	31/12/1998	17C1-CNÔ2	
361	17000975	Trịnh Bùi Gia Nguyên	08/03/1999	17C1-CNÔ2	
362	17001050	Chăng Tín Đạt	13/06/1998	17C1-CNÔ3	
363	17001062	Mai Minh Tâm	01/05/1999	17C1-CNÔ3	
364	17001071	Nguyễn Cao Thắng	05/08/1999	17C1-CNÔ3	
365	17001053	Nguyễn Lâm Hoàng Thanh	20/09/1999	17C1-CNÔ3	
366	17001054	Nguyễn Vũ Duy	05/06/1999	17C1-CNÔ3	
367	17001025	Phạm Văn Tiến	05/11/1999	17C1-CNÔ3	
368	17001026	Phùng Hoài Linh	12/06/1999	17C1-CNÔ3	
369	17000997	Trần Hoàng Long	14/03/1999	17C1-CNÔ3	
370	17000996	Trần Ngọc Quý	13/06/1996	17C1-CNÔ3	
371	17001013	Trần Vũ Tiến Đạt	29/08/1997	17C1-CNÔ3	
372	17001024	Võ Hoàng Thái	23/04/1999	17C1-CNÔ3	
373	17001107	Hoàng Vương Thịnh	25/01/1999	17C1-CNÔ4	
374	17001156	Huỳnh Công Hiếu	01/01/1999	17C1-CNÔ4	
375	17001150	Lâm Văn Đoàn	30/04/1999	17C1-CNÔ4	
376	17001112	Lý Hồ Chinh	15/04/1999	17C1-CNÔ4	
377	17001196	Nguyễn Đức Thanh	31/03/1999	17C1-CNÔ4	
378	17001149	Nguyễn Đức Tường	12/11/1999	17C1-CNÔ4	
379	17001126	Phan Hồng Hải	24/05/1999	17C1-CNÔ4	
380	17001113	Trà Thanh Dương	20/06/1999	17C1-CNÔ4	
381	17001099	Vì Trọng Nghĩa	13/10/1998	17C1-CNÔ4	
382	17001276	Bùi Minh Tuấn	06/12/1999	17C1-CNÔ5	
383	17001217	Bùi Phước Thiện	28/11/1999	17C1-CNÔ5	
384	17001270	Bùi Quốc Trung	21/06/1999	17C1-CNÔ5	
385	17001261	Bùi Văn Danh	21/04/1997	17C1-CNÔ5	
386	17001238	Đoàn Hải Đăng	26/10/1999	17C1-CNÔ5	
387	17001212	Lý Nghiệp Đức	25/01/1999	17C1-CNÔ5	
388	17001317	Ngô Thanh Vân	04/01/1999	17C1-CNÔ5	
389	17001269	Nguyễn Châu Khánh Hòa	05/02/1998	17C1-CNÔ5	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
390	17001320	Nguyễn Đình Hoài Bảo	20/08/1999	17C1-CNÔ5	
391	17001297	Nguyễn Đức Minh Hiếu	26/06/1999	17C1-CNÔ5	
392	17001278	Nguyễn Hoài Nam	12/08/1999	17C1-CNÔ5	
393	17001216	Nguyễn Thành Danh	19/04/1999	17C1-CNÔ5	
394	17001271	Nguyễn Thành Luân	03/06/1999	17C1-CNÔ5	
395	17001239	Nguyễn Trọng Nguyễn	11/10/1999	17C1-CNÔ5	
396	17001221	Trần Trọng Khang	02/02/1999	17C1-CNÔ5	
397	17001229	Trương Đình Phú Quý	13/04/1996	17C1-CNÔ5	
398	17001226	Võ Ngọc Thiên Ân	11/04/1999	17C1-CNÔ5	
399	17001224	Võ Quốc Mạnh	07/05/1999	17C1-CNÔ5	
400	17001241	Vương Văn Lâm	28/08/1999	17C1-CNÔ5	
401	17001387	Bùi Hữu Nhân	20/07/1999	17C1-CNÔ6	
402	17001415	Chu Đình Triều	28/03/1998	17C1-CNÔ6	
403	17001440	Đặng Hữu Phước	20/08/1999	17C1-CNÔ6	
404	17001448	Đinh Đăng Khoa	16/04/1999	17C1-CNÔ6	
405	17001362	Hồ Ngọc Phát	22/04/1999	17C1-CNÔ6	
406	17001369	Hồ Tấn Minh Hậu	28/11/1999	17C1-CNÔ6	
407	17001389	Lê Ngọc Kiệt	13/09/1998	17C1-CNÔ6	
408	17001332	Nguyễn Hoài Thương	30/01/1999	17C1-CNÔ6	
409	17001368	Nguyễn Huỳnh Anh Duy	12/12/1999	17C1-CNÔ6	
410	17001346	Nguyễn Khang Vĩ	24/05/1999	17C1-CNÔ6	
411	17001370	Nguyễn Ngọc Hải	19/07/1999	17C1-CNÔ6	
412	17001404	Nguyễn Nhật Bình	27/01/1999	17C1-CNÔ6	
413	17001349	Nguyễn Quốc Bảo	11/11/1999	17C1-CNÔ6	
414	17001323	Nguyễn Thái Khang	18/11/1999	17C1-CNÔ6	
415	17001367	Nguyễn Thế Khánh	03/11/1999	17C1-CNÔ6	
416	17001409	Nguyễn Tùng Duy	17/07/1999	17C1-CNÔ6	
417	17001376	Phạm Quang Huy	21/04/1999	17C1-CNÔ6	
418	17001449	Phạm Thế Bảo	21/06/1999	17C1-CNÔ6	
419	17001371	Phạm Xuân Lâm	21/06/1999	17C1-CNÔ6	
420	17001421	Phạm Xuân Trường	05/10/1999	17C1-CNÔ6	
421	17001445	Phan Trọng Phúc	03/03/1997	17C1-CNÔ6	
422	17001446	Trần Công Minh	15/11/1998	17C1-CNÔ6	
423	17001393	Trần Hoàng Tuấn	30/03/1999	17C1-CNÔ6	
424	17001386	Trần Minh Nhân	23/03/1998	17C1-CNÔ6	
425	17001375	Võ Gia Hưng	02/07/1998	17C1-CNÔ6	
426	17001514	Đào Hữu Quốc	22/03/1999	17C1-CNÔ7	
427	17001475	Đỗ Chí Tài	28/03/1999	17C1-CNÔ7	
428	17001460	Hà Tấn Hiếu	15/11/1999	17C1-CNÔ7	
429	17001492	Hồ Văn Phát	10/05/1999	17C1-CNÔ7	
430	17001504	Lâm Quốc Thắng	29/07/1998	17C1-CNÔ7	
431	17001525	Lê Hồng Anh Kiệt	10/10/1999	17C1-CNÔ7	
432	17001464	Lê Nhân Hậu	24/01/1998	17C1-CNÔ7	
433	17001554	Nguyễn Dũng Tiến	03/10/1998	17C1-CNÔ7	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
434	17001527	Nguyễn Hoàng Cơ	15/06/1999	17C1-CNÔ7	
435	17001461	Nguyễn Lưu Gia Huy	23/05/1999	17C1-CNÔ7	
436	17001515	Nguyễn Văn Tiến	07/01/1999	17C1-CNÔ7	
437	17001517	Tăng Trần Thiện Quang	11/11/1999	17C1-CNÔ7	
438	17001466	Trần Nhật Cường	09/09/1998	17C1-CNÔ7	
439	17001599	Bùi Văn Hải	08/12/1997	17C1-CNÔ8	
440	17001564	Đặng Đăng Khoa	23/07/1997	17C1-CNÔ8	
441	17001611	Hồ Mạnh Tiền	01/07/1999	17C1-CNÔ8	
442	17001597	Hồ Văn Đại	25/05/1995	17C1-CNÔ8	
443	17001612	Lê Nhật Hào	26/06/1999	17C1-CNÔ8	
444	17001575	Lê Thành Nghĩa	24/06/1998	17C1-CNÔ8	
445	17001641	Lê Thanh Tâm	04/02/1999	17C1-CNÔ8	
446	17001616	Lê Tuấn Anh	25/02/1998	17C1-CNÔ8	
447	17001646	Nguyễn Chí Nhân	16/02/1999	17C1-CNÔ8	
448	17001613	Nguyễn Hoài Linh	29/11/1999	17C1-CNÔ8	
449	17001580	Nguyễn Hoàng Ân	23/08/1999	17C1-CNÔ8	
450	17001605	Nguyễn Hoàng Khải	12/10/1999	17C1-CNÔ8	
451	17001601	Nguyễn Hoàng Phúc	18/10/1998	17C1-CNÔ8	
452	17001589	Nguyễn Hữu Hậu	08/04/1998	17C1-CNÔ8	
453	17001662	Nguyễn Nhật Trường	12/11/1998	17C1-CNÔ8	
454	17001614	Nguyễn Quốc Duy	11/09/1998	17C1-CNÔ8	
455	17001620	Nguyễn Thành Kinh Kha	13/09/1999	17C1-CNÔ8	
456	17001581	Nguyễn Thành Minh	09/09/1999	17C1-CNÔ8	
457	17001652	Nguyễn Tuấn Duy	30/03/1999	17C1-CNÔ8	
458	17001632	Nguyễn Vũ Luân	14/04/1999	17C1-CNÔ8	
459	17001567	Nguyễn Xuân Quang Huy	12/02/1999	17C1-CNÔ8	
460	17001595	Phạm Nguyễn Cường Thịnh	07/09/1998	17C1-CNÔ8	
461	17001600	Phạm Thành Phú	31/01/1999	17C1-CNÔ8	
462	17001570	Thái Anh Tú	10/06/1999	17C1-CNÔ8	
463	17001619	Trần Thái Thiện	05/05/1999	17C1-CNÔ8	
464	17001666	Trịnh Quốc Trọng	12/10/1999	17C1-CNÔ8	
465	17001634	Võ Tấn Phước Sang	12/05/1998	17C1-CNÔ8	
466	17001647	Võ Trường Chinh	29/07/1999	17C1-CNÔ8	
467	17001841	Cao Đình Văn	22/08/1999	17C1-CNÔ9	
468	17001750	Cao Thanh Sang	09/05/1998	17C1-CNÔ9	
469	17001737	Châu Thanh Nhân	28/07/1999	17C1-CNÔ9	
470	17001844	Lê Phương Nam	26/10/1999	17C1-CNÔ9	
471	17001761	Lê Triều Vĩ	09/02/1999	17C1-CNÔ9	
472	17001764	Lê Văn Thành	19/08/1999	17C1-CNÔ9	
473	17001766	Phạm Trung Chánh	15/10/1999	17C1-CNÔ9	
474	17001802	Phan Gia Bảo	02/11/1999	17C1-CNÔ9	
475	17001684	Trịnh Quyết Chí	05/01/1998	17C1-CNÔ9	
476	17000216	Lâm Hoàng Huy	08/8/2002	17T4-CNÔ1	
477	17000132	Nguyễn Duy Phúc	6/7/2002	17T4-CNÔ1	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
478	17000202	Nguyễn Duy Toàn	14/4/2001	17T4-CNÔ1	
479	17000193	Nguyễn Phan Hoàng Phúc	3/9/2001	17T4-CNÔ1	
480	17000153	Nguyễn Tấn Anh	10/01/2002	17T4-CNÔ1	
481	17004691	Nguyễn Thành Đạt	10/08/2000	17T4-CNÔ1	
482	17000071	Trịnh Công Đạt	10/7/2002	17T4-CNÔ1	
483	17000201	Trịnh Quốc Chương	29/12/1997	17T4-CNÔ1	
484	17000119	Văn Hưng Thịnh	12/7/2002	17T4-CNÔ1	
485	17000462	Huỳnh Lâm Nghiệp Trí	28/11/1993	17T4-CNÔ2	
486	17000366	Lâm Quang Vinh	26/01/2002	17T4-CNÔ2	
487	17000407	Lê Thanh Tùng	20/12/2002	17T4-CNÔ2	
488	17000272	Lê Vũ Hoàng Minh	16/9/2002	17T4-CNÔ2	
489	17000463	Ngô Trần Khôi Nguyên	28/01/2001	17T4-CNÔ2	
490	17000417	Nguyễn Hữu Quốc	06/12/2002	17T4-CNÔ2	
491	17000360	Nguyễn Quốc Bảo	17/05/2002	17T4-CNÔ2	
492	17000156	Nguyễn Quốc Thịnh	26/11/2002	17T4-CNÔ2	
493	17000368	Nguyễn Thanh Bình	31/12/2002	17T4-CNÔ2	
494	17000364	Nguyễn Thành Ý	31/07/2001	17T4-CNÔ2	
495	17003822	Nguyễn Tiến Đức	03/04/2001	17T4-CNÔ2	
496	17000371	Nguyễn Trung Tín	27/7/2001	17T4-CNÔ2	
497	17000271	Phạm Nguyễn Đăng Trường	18/4/2002	17T4-CNÔ2	
498	17000273	Tôn Thất Thông	24/01/2002	17T4-CNÔ2	
499	17002919	Trần Đăng Nguyên Thuận	06/03/2001	17T4-CNÔ2	
500	17000868	Đỗ Nguyễn Công Thành	30/10/2002	17T4-CNÔ3	
501	17000665	Hồ Nhật Đan	29/06/2002	17T4-CNÔ3	
502	17000880	Hoàng Đình Anh Khoa	04/10/2001	17T4-CNÔ3	
503	17004665	Huỳnh Ngọc Hải	05/10/1999	17T4-CNÔ3	
504	17000895	Lâm Minh Quân	31/07/2002	17T4-CNÔ3	
505	17000541	Lào Chấn Cường	21/08/2002	17T4-CNÔ3	
506	17000690	Lê Quốc Huy	11/12/2002	17T4-CNÔ3	
507	17000516	Lê Thái Khôi	28/01/1999	17T4-CNÔ3	
508	17000802	Liều Hi Văn	17/10/2002	17T4-CNÔ3	
509	17001493	Ngô Văn Vỹ	08/08/2002	17T4-CNÔ3	
510	17003022	Nguyễn Hoàng Anh Duy	26/06/2002	17T4-CNÔ3	
511	17000691	Nguyễn Hoàng Đức Huy	09/04/2002	17T4-CNÔ3	
512	17000798	Nguyễn Quốc Hưng	02/09/2002	17T4-CNÔ3	
513	17000479	Nguyễn Thành Huy	20/09/2000	17T4-CNÔ3	
514	17000678	Nguyễn Văn Tuấn	04/08/2002	17T4-CNÔ3	
515	17000687	Thái Nguyễn Đình Tấn	24/01/2002	17T4-CNÔ3	
516	17000556	Trần Minh Nhật	11/09/2002	17T4-CNÔ3	
517	17000744	Trần Thanh Bảo	20/05/2000	17T4-CNÔ3	
518	17000777	Võ Minh Huy	25/03/2002	17T4-CNÔ3	
519	17004209	Bùi Vạn Thiện	24/09/2000	17T4-CNÔ4	
520	17002529	Danh Hoàng Thiện	26/9/1997	17T4-CNÔ4	
521	17004315	Đỗ Thành Tuấn Anh	01/05/1998	17T4-CNÔ4	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	GHI CHÚ
522	17004836	Dương Mai Tuấn Anh	18/12/2002	17T4-CNÔ4	
523	17004664	Huỳnh Quốc Thái	31/05/2000	17T4-CNÔ4	
524	17001085	Lê Đăng Khoa	27/06/2002	17T4-CNÔ4	
525	17003165	Lê Đức Toàn	17/07/2000	17T4-CNÔ4	
526	17004592	Lương Minh Duy	20/12/2002	17T4-CNÔ4	
527	17003645	Lý Thanh Nhã	03/01/2002	17T4-CNÔ4	
528	17002523	Nguyễn Minh Sơn	21/5/1997	17T4-CNÔ4	
529	17004050	Nguyễn Minh Trí	06/05/2001	17T4-CNÔ4	
530	17003269	Nguyễn Ngọc Phú	11/05/2002	17T4-CNÔ4	
531	17001130	Nguyễn Thanh Sơn	05/05/2000	17T4-CNÔ4	
532	17001422	Nguyễn Tuấn Kiệt	18/06/2002	17T4-CNÔ4	
533	17004142	Phạm Gia Huy	19/10/1999	17T4-CNÔ4	
534	17004656	Thái Vỹ Khang	08/03/2000	17T4-CNÔ4	
535	17003217	Trần Khang Nguyên	26/08/2001	17T4-CNÔ4	
Tổng cộng: 535 HS - SV					